

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2603/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí
giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Tài chính**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu, tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Quyết định số 1845/QĐ-TTg ngày 02/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

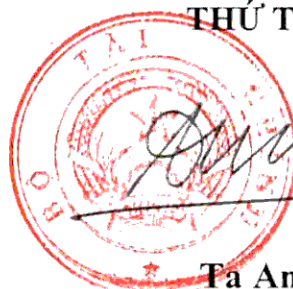
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Tài chính, công chức, viên chức và người lao động các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Thanh tra Bộ Tài chính, Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, KHTC. *QAT*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Tạ Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH**Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021 - 2025
của Bộ Tài chính**

*(Kèm theo Quyết định số 2603 /QĐ-BTC ngày 31 /12 /2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (viết tắt là THPTK, CLP) là trách nhiệm của tất cả các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các dự án, doanh nghiệp thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính (gọi tắt là các đơn vị thuộc Bộ Tài chính) và các công chức, viên chức, người lao động (viết tắt là CCVC) trong các đơn vị thuộc Bộ Tài chính.

Thực hiện Quyết định số 1845/QĐ-TTg ngày 02/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THPTK, CLP giai đoạn 2021 - 2025, Bộ Tài chính ban hành Chương trình THPTK, CLP giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện trong các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**1. Mục tiêu**

1.1. Mục tiêu của THPTK, CLP giai đoạn 2021 - 2025 là nâng cao hiệu quả THPTK, CLP nhằm phát huy cao nhất mọi nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu tăng trưởng, phát triển kinh tế, ổn định đời sống của nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội; quyết liệt thực hiện đồng bộ các giải pháp THPTK, CLP trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, bảo đảm mục tiêu, yêu cầu và các nhiệm vụ đã đề ra.

1.2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, các cấp ủy Đảng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính trong việc đẩy mạnh THPTK, CLP để tiếp tục phòng ngừa, ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tình trạng lãng phí, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị và phát triển ngành Tài chính.

1.3. Chương trình THPTK, CLP giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Tài chính nhằm quy định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, tiêu chí đánh giá tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí, tạo chuyển biến rõ rệt trong nhận thức về THPTK, CLP; đưa công tác THPTK, CLP đi vào thực chất với những kết quả cụ thể, đồng thời xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm cũng như giải pháp, biện pháp cần thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025 tại các đơn vị thuộc Bộ Tài chính để đạt được mục

tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đã đặt ra và đảm bảo đúng quy định Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP giai đoạn 2021 - 2025.

1.4. Nâng cao ý thức trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và CCVC trong các đơn vị thuộc Bộ Tài chính về THTK, CLP.

1.5. Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước của các cơ quan hành chính và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, các dự án, doanh nghiệp thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công theo kế hoạch được cấp thẩm quyền giao.

1.6. Đưa công tác THTK, CLP là một nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính.

1.7. Làm căn cứ cho các đơn vị thuộc Bộ Tài chính xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động về THTK, CLP thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của đơn vị.

2. Yêu cầu

2.1. Mục tiêu, chỉ tiêu THTK, CLP của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính giai đoạn 2021 - 2025 phần đầu không thấp hơn mục tiêu, chỉ tiêu được quy định trong Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành.

2.2. Bám sát nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính trong giai đoạn 2021 - 2025.

2.3. THTK, CLP phải bảo đảm thực chất, có kết quả cụ thể, gắn với việc đánh giá, kiểm tra theo quy định.

2.4. THTK, CLP phải chỉ rõ các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp, mục tiêu, chỉ tiêu và tiêu chí đánh giá về THTK, CLP trong quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước tại các đơn vị thuộc Bộ Tài chính.

2.5. THTK, CLP phải gắn với các hoạt động phòng chống tham nhũng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính.

2.6. THTK, CLP phải được tiến hành thường xuyên, liên tục ở mọi lúc mọi nơi với sự tham gia của tất cả CCVC và các tổ chức đoàn thể.

3. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và toàn thể CVCC trong các đơn vị thuộc Bộ Tài chính.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

THTK, CLP giai đoạn 2021 - 2025 được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực theo quy định của Luật THTK, CLP, trong đó tập trung vào một số lĩnh vực sau:

1. Trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của NSNN

1.1. Chỉ tiêu thực hiện

a) Tiếp tục đẩy mạnh việc quản lý chặt chẽ, tiết kiệm chi tiêu NSNN (NSNN) để giảm tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại chi NSNN.

b) Thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính - NSNN, tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng NSNN, nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh thất thoát, lãng phí.

c) Triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên được NSNN giao (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương) để ưu tiên tăng chi đầu tư phát triển, hướng tới mục tiêu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên bình quân khoảng 62 - 63% tổng chi NSNN, trong tổ chức thực hiện phấn đấu giảm tỷ trọng chi thường xuyên xuống khoảng 60%; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài đảm bảo phục vụ yêu cầu công tác và phù hợp với diễn biến của dịch bệnh Covid-19, dành nguồn phòng chống, khắc phục hậu quả của dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu và thực hiện cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

d) Tiết kiệm trong quản lý, sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, không đề xuất, phê duyệt các đề tài nghiên cứu khoa học có nội dung trùng lặp, thiếu tính khả thi, chưa xác định được nguồn kinh phí thực hiện. Kiên quyết thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị khoa học và công nghệ công lập gắn với trách nhiệm giải trình, chịu sự đánh giá độc lập và từng bước thực hiện phương thức Nhà nước đặt hàng, đấu thầu và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm cuối cùng phù hợp với định hướng mục tiêu, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2021 - 2025 và Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Thực hiện công khai về nội dung thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật.

đ) Quyết liệt đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập, tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2016-2020 theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập. Hoàn thành việc giao quyền tự chủ toàn diện cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở tính đúng, tính đủ giá dịch vụ công theo lộ trình, đảm bảo công khai, minh bạch; phấn đấu đạt mục tiêu đến năm 2025, tiếp tục giảm tối thiểu bình quân 10% đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021; có tối thiểu 20% đơn vị tự chủ tài chính.

Đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, quy định giá dịch vụ sự nghiệp công từng bước tính đủ các chi phí đối với các loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu, đồng thời cần gắn với chính sách hỗ trợ phù hợp cho người nghèo, đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số; đối với giá dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN thì giao quyền tự chủ cho các đơn vị cung ứng dịch vụ tự quyết định theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy, trừ các dịch vụ công nhà nước phải quản lý giá theo quy định pháp luật về giá.

1.2. Giải pháp thực hiện

a) Thực hiện nghiêm các quy định của Luật NSNN trong tất cả các khâu: Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán kinh phí NSNN. Thực hiện đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả các Nghị quyết của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về điều hành kinh tế xã hội và NSNN.

b) THTK, CLP trong tổ chức hội nghị, tổng kết:

- Tiếp tục tăng cường sử dụng hình thức họp trực tuyến trong chỉ đạo, điều hành và xử lý các công việc trong ngành Tài chính... qua đó tiết kiệm chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu, đi lại, ăn ở của đại biểu.

- Thực hiện tốt quy định về chế độ chi tiêu tổ chức hội nghị, hội thảo; chế độ tiếp khách trong nước và quốc tế; hạn chế tình trạng phô trương, hình thức, tiếp khách tràn lan gây lãng phí NSNN.

- Thực hiện lồng ghép các nội dung, vấn đề, công việc cần xử lý để kết hợp tổ chức các cuộc họp với nhau một cách hợp lý; tùy theo tính chất, nội dung, mục đích, yêu cầu của cuộc họp, người triệu tập cuộc họp phải cân nhắc kỹ và quyết định thành phần, số lượng người tham dự cho phù hợp, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả.

- Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về thực hành tiết kiệm trong việc đi công tác nước ngoài. Tập trung bố trí kinh phí cho các đoàn đi đàm phán, thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng chế độ quy định; hạn chế tối đa các đoàn đi học tập, khảo sát, tham khảo kinh nghiệm nước ngoài, bao gồm cả đối với các dự án hỗ trợ kỹ thuật, các dự án ODA và các dự án có sử dụng nguồn kinh phí từ NSNN.

Thực hiện quản lý chặt chẽ đoàn ra, đoàn vào đúng người, đúng mục đích; căn cứ theo dự toán và danh mục đoàn ra, đoàn vào được phê duyệt từ đầu năm của mỗi cơ quan, đơn vị sử dụng NSNN. Hạn chế tối đa các đoàn đi công tác nước ngoài bổ sung không theo dự toán, danh mục từ đầu năm; chỉ tiến hành bổ sung khi có nhiệm vụ đột xuất, đặc biệt cần thiết.

- Thực hiện nghiêm quy định chế độ công tác phí cho CCVC đi công tác trong nước. Các trường hợp áp dụng khoán công tác phí, trường hợp thanh toán theo hóa đơn thực tế, thủ tục chứng từ thanh toán... phải quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ để thực hiện.

c) Rà soát các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định để ưu tiên bố trí nguồn lực đối với các chương trình, dự án cần thiết, hiệu quả, cắt giảm các chương trình, dự án có nội dung trùng lặp, kém hiệu quả. Thực hiện tiết kiệm triệt để trong quản lý, sử dụng kinh phí của đề tài nghiên cứu khoa học.

d) Từng bước thực hiện đổi mới phương thức quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật NSNN năm 2015 để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn NSNN.

đ) Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tăng cường phân cấp và tăng cường tự chủ về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhân lực, tài chính trên cơ sở có tính đến đặc điểm của từng loại hình dịch vụ, khả năng và nhu cầu thị trường, trình độ quản lý. Triển khai tích cực, hiệu quả Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và các văn bản khác có liên quan quy định về cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy nhanh lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ công, từ đó chuyển từ hỗ trợ NSNN cho các đơn vị sự nghiệp công lập sang hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng chính sách khi tham gia các dịch vụ công.

e) Thực hiện nghiêm túc công khai, dân chủ trong dự toán, mua sắm tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật về quy chế công khai tài chính đối với các cấp NSNN, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn NSNN.

g) Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính sử dụng kinh phí NSNN chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực về quyết toán NSNN của đơn vị mình và có trách nhiệm thẩm định, xét duyệt quyết toán kinh phí NSNN cho đơn vị trực thuộc theo đúng quy định của pháp luật. Nghiêm cấm việc quyết toán chi NSNN không có khối lượng, không đúng thủ tục, sai nội dung, phát hiện và xử lý kịp thời trường hợp chi sai quy định.

h) Điều hành, quản lý chi trong phạm vi dự toán được giao, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; thực hiện triệt để tiết kiệm toàn diện trên các nội dung chi, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

i) THTK, CLP trong việc sử dụng điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm.

2. Trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công

2.1. Chỉ tiêu thực hiện

a) Trong giai đoạn 2021 - 2025, các đơn vị, các chủ đầu tư thuộc Bộ Tài chính cần tuân thủ, nghiêm chỉnh chấp hành, thực hiện có hiệu quả các quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019, các Nghị định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

b) Thực hiện tiết kiệm từ lập, phê duyệt chủ trương đầu tư; chỉ quyết định chủ trương đầu tư các dự án có hiệu quả và phù hợp với khả năng cân đối nguồn

vốn đầu tư công; Đảm bảo 100% các dự án đầu tư công có đầy đủ thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công.

c) Đảm bảo phân bổ vốn đầu tư NSNN hàng năm phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/07/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025, Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 04/8/2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết 973/2020/QH14. Ưu tiên thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư; bố trí vốn để hoàn thành dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn bảo đảm thời gian theo quy định, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án quan trọng quốc gia. Sau khi bố trí vốn đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án, nếu còn nguồn mới bố trí cho các dự án khởi công mới.

d) Tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư theo đúng quy định của nhà nước đảm bảo tiến độ thực hiện dự án và thời hạn giải ngân, sử dụng vốn hiệu quả. Rà soát các dự án kéo dài nhiều năm, hiệu quả đầu tư thấp để có hướng xử lý; có biện pháp hoàn tạm ứng đối với các khoản tạm ứng quá hạn, kéo dài nhiều năm, đơn vị quản lý đã giải thể. Tăng cường công tác quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước, xử lý dứt điểm tình trạng tồn đọng quyết toán, có chế tài xử lý đối với các cơ quan, đơn vị chậm quyết toán dự án hoàn thành. Đảm bảo tiến độ giải ngân vốn theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

2.2. Giải pháp thực hiện

a) Các đơn vị, các chủ đầu tư thuộc Bộ Tài chính tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 99/2021/NĐ-CP ngày 30/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn trong thực hiện kế hoạch đầu tư công.

b) Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và các Nghị định của Chính phủ, các văn bản hướng dẫn về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nhằm triển khai có hiệu quả kế hoạch đầu tư công.

c) Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong công tác đấu thầu các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm

thường xuyên sử dụng vốn nhà nước và Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh công tác đấu thầu trong các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thường xuyên sử dụng vốn nhà nước để góp phần tiết kiệm chi phí đầu tư.

d) THPT, CLP thông qua đổi mới cơ bản cơ chế phân bổ và quản lý sử dụng vốn đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công. Tập trung vốn để hoàn thành các công trình trọng điểm, các công trình hoàn thành quyết toán và xây dựng xong; đối với các dự án mới, chỉ tập trung những công trình thực sự cần thiết, cấp bách phải đầu tư đã đủ hồ sơ thủ tục và điều kiện để thực hiện đầu tư và khả năng cân đối bố trí vốn thực hiện đầu tư cho dự án, bảo đảm 100% các dự án bố trí trong kế hoạch đầu tư công phải có đầy đủ các thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

đ) Các đơn vị, các chủ đầu tư thuộc Bộ Tài chính phải chuẩn bị tốt, lựa chọn dự án bảo đảm thủ tục đầu tư xây dựng để khi dự án được giao kế hoạch đầu tư vốn có thể triển khai ngay, khắc phục tình trạng dự án giao vốn nhưng không triển khai được trong khi một số dự án có nhu cầu thì không được bố trí vốn. Nâng cao chất lượng công tác khảo sát, thiết kế, giải pháp thi công, thẩm định dự án; hạn chế các nội dung phát sinh dẫn đến phải điều chỉnh thiết kế, thi công, hạn chế tối đa tình trạng điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các giải pháp thiết kế, thi công áp dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng và hạn chế khí thải, góp phần phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

e) Tăng cường đấu thầu rộng rãi, đấu thầu qua mạng, hạn chế tối đa việc chỉ định thầu các dự án đầu tư và bảo đảm công khai, minh bạch trong đấu thầu. Tập trung chỉ đạo, xử lý ngay các dự án sử dụng vốn nhà nước đầu tư lãng phí, kém hiệu quả, làm rõ và xử lý trách nhiệm tổ chức, cá nhân có liên quan.

g) Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các dự án, công trình, đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình, chống lãng phí, thất thoát; công trình thực hiện không đúng tiến độ phải kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh để điều chuyển vốn cho những dự án có tiến độ triển khai nhanh. Tập trung bố trí cho các dự án thực sự cấp bách khi đã bố trí đủ vốn để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định; không bố trí vốn cho các công trình, dự án không đúng quy định.

h) Rà soát chặt chẽ kế hoạch sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Kiên quyết loại bỏ các dự án không thật sự cần thiết, kém hiệu quả. Bố trí dự toán chi NSNN từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài cho các dự án bảo đảm theo tiến độ đã ký kết với nhà tài trợ, khả năng đáp ứng nguồn vốn đối ứng, tiến độ giải phóng mặt bằng, năng lực của chủ đầu tư quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và trong phạm vi hạn mức vốn nước ngoài trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được giao. Triển khai thực hiện có hiệu quả việc quản lý,

sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài trong nợ công để phục vụ công tác quản lý.

3. Trong quản lý, sử dụng tài sản công

3.1. Chỉ tiêu thực hiện

a) Tiếp tục triển khai đồng bộ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 và các văn bản hướng dẫn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công và khai thác hợp lý nguồn lực từ tài sản công theo Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10/12/2019 của Thủ tướng Chính Phủ.

b) Tổ chức rà soát, sắp xếp lại tài sản công, đặc biệt là các cơ sở nhà, đất đảm bảo sử dụng đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Đẩy mạnh việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của đơn vị theo quy định Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ. Xây dựng phương án xử lý phù hợp và kịp thời đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý trụ sở cũ các đơn vị đã được đầu tư xây dựng trụ sở mới đảm bảo quy định và xây dựng phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công của các đơn vị thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy.

c) Thực hiện đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; hạn chế mua xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền; tổ chức mua sắm tài sản theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và công khai, minh bạch. Xác định cụ thể từng đối tượng được trang bị tài sản, đồng thời xác định công năng sử dụng của tài sản để trang bị cho nhiều đối tượng dùng chung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tế ở từng cơ quan, đơn vị, tránh lãng phí trong việc trang bị, mua sắm tài sản.

d) Tài sản công chỉ được sử dụng vào mục đích cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết theo đúng các trường hợp pháp luật quy định, có Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải đảm bảo các yêu cầu quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và văn bản hướng dẫn nhằm phát huy công suất và hiệu quả sử dụng tài sản; kiên quyết chấm dứt, thu hồi tài sản công sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định pháp luật.

đ) Thực hiện xử lý kịp thời tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước sau khi dự án kết thúc theo đúng quy định của pháp luật, tránh làm thất thoát, lãng phí tài sản.

3.2. Giải pháp thực hiện

a) Hướng dẫn, quy định các nội dung về quản lý, sử dụng và xử lý tài sản trong các đơn vị thuộc Bộ Tài chính phải đảm bảo theo đúng quy định của Luật

quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện liên quan.

b) Tiếp tục hiện đại hóa công tác quản lý tài sản công và từng bước nâng cấp Cơ sở dữ liệu tài sản ngành Tài chính, đảm bảo phù hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia và yêu cầu quản lý đặc thù của các đơn vị trực thuộc. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, cập nhật thông tin tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định.

c) Thực hiện việc mua sắm tập trung đối với những hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải mua sắm tập trung theo quyết định của cấp có thẩm quyền và quy định về mua sắm tập trung của Nhà nước.

d) Thực hiện nghiêm việc xử lý, thu hồi các diện tích đất không đúng quy định của pháp luật; sử dụng đất sai mục đích, sai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, lãng phí, kém hiệu quả, bỏ hoang hóa và đất lấn chiếm trái quy định tại các đơn vị trong ngành Tài chính.

đ) Tiếp tục chủ động tháo gỡ các vướng mắc và những tồn tại trong thực hiện phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất. Rà soát, kiểm tra, kịp thời đề xuất và báo cáo Bộ, báo cáo cơ quan quản lý nhà nước xem xét, giải quyết đối với những trường hợp nhà, đất phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện hoặc các cơ sở nhà, đất chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý.

e) Rà soát tổng thể, kiểm tra, đôn đốc tình hình thực hiện phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kịp thời trình cấp có thẩm quyền xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền việc sắp xếp lại, xử lý đối với các tài sản công của các đơn vị thực hiện sắp xếp lại mô hình tổ chức.

g) Kiểm soát chặt chẽ việc mua sắm, sử dụng tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại tại các đơn vị. Tận dụng, khai thác có hiệu quả tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại hiện có, chỉ đầu tư xây dựng, mua sắm mới khi thực sự cần thiết và bảo đảm đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định. Kiên quyết thu hồi, xử lý theo quy định đối với những trường hợp trang bị tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại sai tiêu chuẩn, định mức, chế độ. Rà soát, điều chuyển tài sản từ nơi thừa sang nơi thiếu; thu hồi nộp ngân sách các khoản thu phát sinh từ sử dụng tài sản không đúng quy định. Xây dựng và điều chỉnh bổ sung kịp thời tiêu chuẩn định mức xe ô tô chuyên dùng của các đơn vị: Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Dự trữ nhà nước và cơ quan Bộ.

h) Các đơn vị ban hành quy chế quản lý, sử dụng phương tiện đi lại và thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng; quy định cụ thể về định mức tiêu hao xăng, dầu, mở sổ theo dõi lịch trình hoạt động của từng xe ô tô, tàu, thuyền và các phương tiện khác; không sử dụng xe ô tô công đưa đón cán bộ không có tiêu chuẩn từ nơi ở tới nơi làm việc và ngược lại, sử dụng xe ô tô

công vào việc riêng trái quy định; tăng cường sử dụng xe ô tô chung khi đi công tác nhiều người hoặc sử dụng phương tiện công cộng khi không cần thiết phải đi xe ô tô riêng; tổ chức sử dụng hợp lý, tiết kiệm xe ô tô công trong các chuyến đi công tác cơ sở, phục vụ hội nghị.

i) Tăng cường công tác đấu thầu rộng rãi, công khai mua sắm tài sản theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các văn bản hướng dẫn. Tập trung chỉ đạo, xử lý ngay các trường hợp mua sắm tài sản có sử dụng vốn nhà nước lãng phí, kém hiệu quả, làm rõ và xử lý trách nhiệm tổ chức, cá nhân có liên quan. Bảo đảm công khai, minh bạch trong đấu thầu mua sắm tài sản; hạn chế tối đa việc chỉ định thầu trong mua sắm tài sản.

k) Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện công tác mua sắm tài sản để có chỉ đạo, điều hành sử dụng dự toán NSNN hiệu quả, tránh lãng phí dự toán đã được giao; chỉ đạo các đơn vị thực hiện dự toán mua sắm theo đúng tiến độ, đảm bảo đáp ứng yêu cầu hoạt động và phục vụ nhiệm vụ chuyên môn; phải kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự toán chi mua sắm của đơn vị không thực hiện đúng tiến độ, không có khả năng giải ngân sang các đơn vị có nhu cầu, có khả năng thực hiện nhưng chưa được bố trí dự toán mua sắm trong năm.

4. Trong quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

4.1. Chỉ tiêu thực hiện

a) Đẩy mạnh việc rà soát, sắp xếp và tăng cường quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quy định tại Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm dần số lượng, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

b) Rà soát lại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định nhằm đảm bảo đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thực tế và quy định của hệ thống pháp luật.

c) Tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

4.2. Giải pháp thực hiện

a) Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và giám sát hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN; xây dựng, kiện toàn bộ máy quản lý và nâng cao năng lực cán bộ nhằm quản lý, sử dụng nguồn lực của các quỹ có hiệu quả, đảm bảo công khai, minh bạch.

b) Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, công khai trong xây dựng, thực hiện kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quy định của Luật NSNN năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước tại doanh nghiệp

5.1. Chỉ tiêu thực hiện

a) Thực hiện triệt để tiết kiệm năng lượng, vật tư, chi phí đầu vào; ứng dụng công nghệ mới để nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của hàng hóa, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; trong đó, tiết giảm tối đa chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới, chi tiếp tân, khánh tiết, hội nghị, chi chiết khấu thanh toán, chi phí năng lượng.

b) Tổng kết, đánh giá và tập trung hoàn thành mục tiêu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước theo đúng lộ trình và quy định của pháp luật, bảo đảm các nguyên tắc và cơ chế thị trường, minh bạch, công khai thông tin. Việc xác định giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa phải thực hiện đúng quy định pháp luật về đất đai, pháp luật về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, bảo đảm tính đúng giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa; tính đúng, tính đủ tiền thuê đất của doanh nghiệp, tránh thất thu cho NSNN.

5.2. Giải pháp thực hiện

Các doanh nghiệp thuộc Bộ Tài chính căn cứ vào Chương trình này và quy định tại Quyết định số 1845/QĐ-TTg ngày 02/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025 để xác định các biện pháp, giải pháp THPT, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

6. Trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

6.1. Chỉ tiêu thực hiện

a) Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức. Đẩy mạnh tinh giản biên chế, cải cách quản lý biên chế theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo.

b) Thực hiện trả lương cho CCVC theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo theo quy định và các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

c) Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp, nhiệm vụ để nâng cao năng suất lao động theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XII và Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 04/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về giải pháp tăng năng suất lao động quốc gia.

d) Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, gắn kết chặt chẽ với việc kiện toàn tổ chức, tinh giản biên chế, bảo đảm dân chủ,

công khai, minh bạch, chuyên nghiệp, phục vụ nhân dân. Xây dựng Chính phủ điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.

6.2. Giải pháp thực hiện

a) Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18/NQ-TW, Nghị quyết số 19/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII. Rà soát các văn bản hiện hành để đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới cho phù hợp, khắc phục những hạn chế, vướng mắc và bảo đảm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

b) Hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ làm căn cứ cho việc quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động hiệu quả và làm cơ sở để thực hiện cải cách tiền lương.

c) Đổi mới mạnh mẽ quy trình, phương thức và thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ trong quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ và tuyển dụng, sử dụng CVCC để thu hút được người có năng lực, trình độ, nâng cao chất lượng đội ngũ CCVC.

d) Đảm bảo thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế làm việc tại cơ quan, công sở. Quản lý chặt chẽ thời giờ lao động, kiểm tra, giám sát chất lượng và đảm bảo hiệu quả công việc của CCVC.

đ) Nâng cao năng lực, kỷ luật, đạo đức và thái độ thực thi pháp luật, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức và trách nhiệm thi hành công vụ của CCVC; tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ; xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực và kiên quyết xử lý những CCVC trục lợi, cản trở, gây khó khăn cho doanh nghiệp, người dân.

e) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động chỉ đạo điều hành của đơn vị; khai thác hiệu quả các phần mềm dùng chung thống nhất trong toàn Ngành (như: Chương trình Quản lý văn bản và điều hành ngành Tài chính; phần mềm Quản lý cán bộ Bộ Tài chính theo mô hình tập trung; phần mềm Quản lý tài sản theo mô hình tập trung; phần mềm kế toán nội ngành...); khai thác tối đa trang thiết bị công nghệ thông tin sẵn có nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, năng suất lao động, giảm văn bản, giấy tờ hành chính.

g) Xây dựng môi trường, phong cách làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, hiện đại và hiệu quả. Coi trọng việc đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phẩm chất đạo đức của CCVC, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu đặt ra trong giai đoạn cải cách thủ tục hành chính.

h) Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các giải pháp tạo chuyển biến rõ nét về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đặc biệt là trong các hệ thống cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc nhà nước; tạo thuận

lợi tối đa, giảm thời gian, chi phí giao dịch hành chính của người dân và doanh nghiệp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính

Căn cứ Chương trình THPTK, CLP giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Tài chính, các đơn vị thuộc Bộ Tài chính triển khai ngay việc xây dựng và ban hành Chương trình THPTK, CLP của đơn vị giai đoạn 2021 - 2025; trong đó phải đảm bảo một số nội dung sau:

1.1. Thể hiện rõ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể đối với từng lĩnh vực quản lý, từng khoản mục chi ngân sách, từng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc; tổng hợp báo cáo, kiểm tra, giám sát thực hiện của các cơ quan chức năng.

1.2. Quy định cụ thể biện pháp phòng, chống và hạn chế lãng phí các nguồn lực trong thực hiện hoạt động của đơn vị.

1.3. Chương trình cần phân công rõ người chịu trách nhiệm từng khâu công việc, để gắn với trách nhiệm của từng cán bộ lãnh đạo và CCVC được giao thực hiện nhiệm vụ trong đơn vị và phải được ban hành thành văn bản làm căn cứ kiểm tra, giám sát; đồng thời, các đơn vị cấp trên xây dựng và gửi Chương trình THPTK, CLP giai đoạn 2021 - 2025 của toàn đơn vị, hệ thống về Bộ Tài chính (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Chương trình THPTK, CLP giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Tài chính được ban hành.

1.4. Ban hành Quy chế chỉ đạo, phối hợp công tác giữa tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể trong đơn vị để góp phần nâng cao năng lực trong việc chỉ đạo, giám sát của cấp ủy Đảng và đoàn thể với chính quyền trong việc thực thi nhiệm vụ, công vụ và THPTK, CLP.

2. Tiêu chí đánh giá

Hàng năm, đơn vị sử dụng ngân sách các cấp thuộc Bộ Tài chính đánh giá kết quả THPTK, CLP trong chi thường xuyên đúng theo quy định tại Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả THPTK, CLP trong chi thường xuyên, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để tổng hợp, Báo cáo kết quả THPTK, CLP hằng năm của toàn đơn vị, hệ thống để gửi về Bộ Tài chính theo quy định.

3. Kiểm tra, giám sát

3.1. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình THPTK, CLP; thanh tra, kiểm tra, xử lý việc thực hiện các quy định của pháp luật về các lĩnh vực liên quan đến THPTK, CLP tạo chuyển biến tích cực trong THPTK, CLP tại cơ quan, đơn vị.

3.2. Các đơn vị xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra cụ thể (giao chỉ tiêu) liên quan đến THPTK, CLP, trong đó:

a) Xây dựng kế hoạch và tập trung tổ chức kiểm tra, thanh tra một số nội dung, lĩnh vực, công trình trọng điểm, theo chức năng nhiệm vụ được giao.

b) Thủ trưởng các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị mình và chỉ đạo công tác kiểm tra, tự kiểm tra tại các đơn vị cấp dưới trực thuộc.

c) Đối với những vi phạm được phát hiện trong công tác thanh tra, kiểm tra, Thủ trưởng các đơn vị phải khắc phục, xử lý hoặc đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền có biện pháp xử lý. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm đối với người đứng đầu đơn vị để xảy ra lãng phí, sai phạm.

d) Thủ trưởng đơn vị cấp trên có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện các quy định về công khai, minh bạch để tạo điều kiện cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát THTK, CLP.

đ) Người đứng đầu đơn vị sử dụng NSNN phải thực hiện chế độ công khai theo đúng quy định của pháp luật, tập trung thực hiện công khai việc sử dụng NSNN và các nguồn tài chính theo quy định. Khuyến khích thực hiện hình thức công khai trên trang thông tin điện tử nhằm nâng cao hiệu quả và tiết kiệm (trừ những nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật).

e) Thực hiện công khai hành vi lãng phí, kết quả xử lý hành vi lãng phí, sai phạm.

4. Thông tin, tuyên truyền

4.1. Xác định THTK, CLP là nhiệm vụ thường xuyên của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính; tuyên truyền sâu rộng đến từng công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý nhằm tăng cường hiểu biết pháp luật, nâng cao nhận thức về THTK, CLP. Tăng cường thông tin, phổ biến pháp luật về THTK, CLP trên các phương tiện thông tin của đơn vị thuộc Bộ Tài chính.

4.2. Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính có các đơn vị cấp dưới trực thuộc chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức, triển khai công tác học tập, nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Luật THTK, CLP và Chương trình về THTK, CLP giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm của Bộ Tài chính trong toàn đơn vị.

4.3. Phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với các tổ chức đoàn thể, quần chúng trong đơn vị để thường xuyên thực hiện tuyên truyền, quán triệt Luật THTK, CLP, các Chương trình về THTK, CLP của cấp trên và của đơn vị đến tất cả các CCVC trong đơn vị.

4.4. Tiếp tục và duy trì tổ chức các lớp học tập, thảo luận chuyên đề về tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu.

5. Báo cáo kết quả thực hiện THTK, CLP

5.1. Chế độ báo cáo: Các đơn vị thuộc Bộ phải thực hiện chế độ Báo cáo tình hình thực hiện, kết quả THTK, CLP hàng năm của toàn đơn vị, hệ thống gửi về Bộ Tài chính (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) để tổng hợp báo cáo Thanh tra

Bộ Tài chính tổng hợp tình hình, kết quả THPTK, CLP trình Chính phủ báo cáo Quốc hội theo quy định.

5.2. Thời gian gửi báo cáo: Báo cáo tình hình thực hiện và kết quả THPTK,CLP hàng năm của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính được tổng hợp và gửi về Bộ Tài chính (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) trước ngày 30/01 năm sau.

6. Thi đua, khen thưởng, kỷ luật

6.1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có sáng kiến, thành tích trong THPTK, CLP, phát hiện, ngăn chặn hành vi gây lãng phí NSNN, tiền, tài sản nhà nước, lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên thiên nhiên... thì được khen thưởng bằng tiền hoặc hiện vật có giá trị; được tặng thưởng các danh hiệu thi đua theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng. Số tiền tiết kiệm chống lãng phí được sử dụng theo quy định nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong THPTK, CLP. Việc khen thưởng và sử dụng khoản tiền tiết kiệm được phải thực hiện công khai tại đơn vị theo quy định của pháp luật.

6.2. Báo cáo cấp có thẩm quyền cắt giảm kinh phí của đơn vị hoặc xử lý kỷ luật đối với Thủ trưởng đơn vị không báo cáo THPTK, CLP hoặc báo cáo chậm từ 3 lần trở lên. CCVC của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính có hành vi vi phạm quy định về THPTK, CLP; người bao che, cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong kiểm tra, phát hiện, xử lý người vi phạm quy định về THPTK, CLP thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

6.3. Đưa kết quả về THPTK, CLP tại đơn vị và việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo vào tiêu chí xem xét kết quả thi đua, khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CCVC và người đứng đầu đơn vị. Đưa nội dung THPTK, CLP vào Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm và tổng kết hàng năm của tất cả các đơn vị thuộc Bộ Tài chính ./.